

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên Công ty đại chúng: **CT cổ phần giám định cà phê và hàng hóa XNK**

Năm báo cáo: **2012**

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **CAFECONTROL**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: **0301240291**
(Đăng ký thay đổi lần 1: ngày 30 tháng 11 năm 2012)
- Vốn điều lệ: **17.000.000.000,00 đồng.**
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: **17.000.000.000,00 đồng.**
- Địa chỉ: **228A Pasteur - Phường 6 - quận 3 - Tp. Hồ Chí Minh**
- Số điện thoại: **08 38 207 553**
- Số fax: **08 38 207 554**
- Website:
- Mã cổ phiếu (nếu có):

2. Quá trình hình thành và phát triển

- Quá trình hình thành và phát triển: (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay).

Công ty Cổ phần Giám định cà phê và hàng hóa XNK là Doanh nghiệp được cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 2956/QĐ-BNN-DMDN, ngày 29 tháng 06 năm 2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Công ty hoạt động theo Giấy phép đăng ký kinh doanh số 4103010544 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 06 tháng 06 năm 2008.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Dịch vụ giám định, chất lượng, số lượng, trọng lượng, cấp giấy chứng thư giám định và dịch vụ khử trùng cà phê và hàng hóa nông sản xuất khẩu.
- Dịch vụ thông tin tư vấn chuyên giao công nghệ, kiểm phẩm chất lượng cà phê và nông sản xuất khẩu.
- Cung cấp dịch vụ Chứng nhận sản phẩm, chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng, hệ thống quản lý môi trường, chứng nhận sản phẩm, hệ thống phân tích môi trường nguy hại và kiểm soát các điểm tới hạn

Địa bàn kinh doanh: Tp. Hồ chí Minh và các tỉnh Tây nguyên.

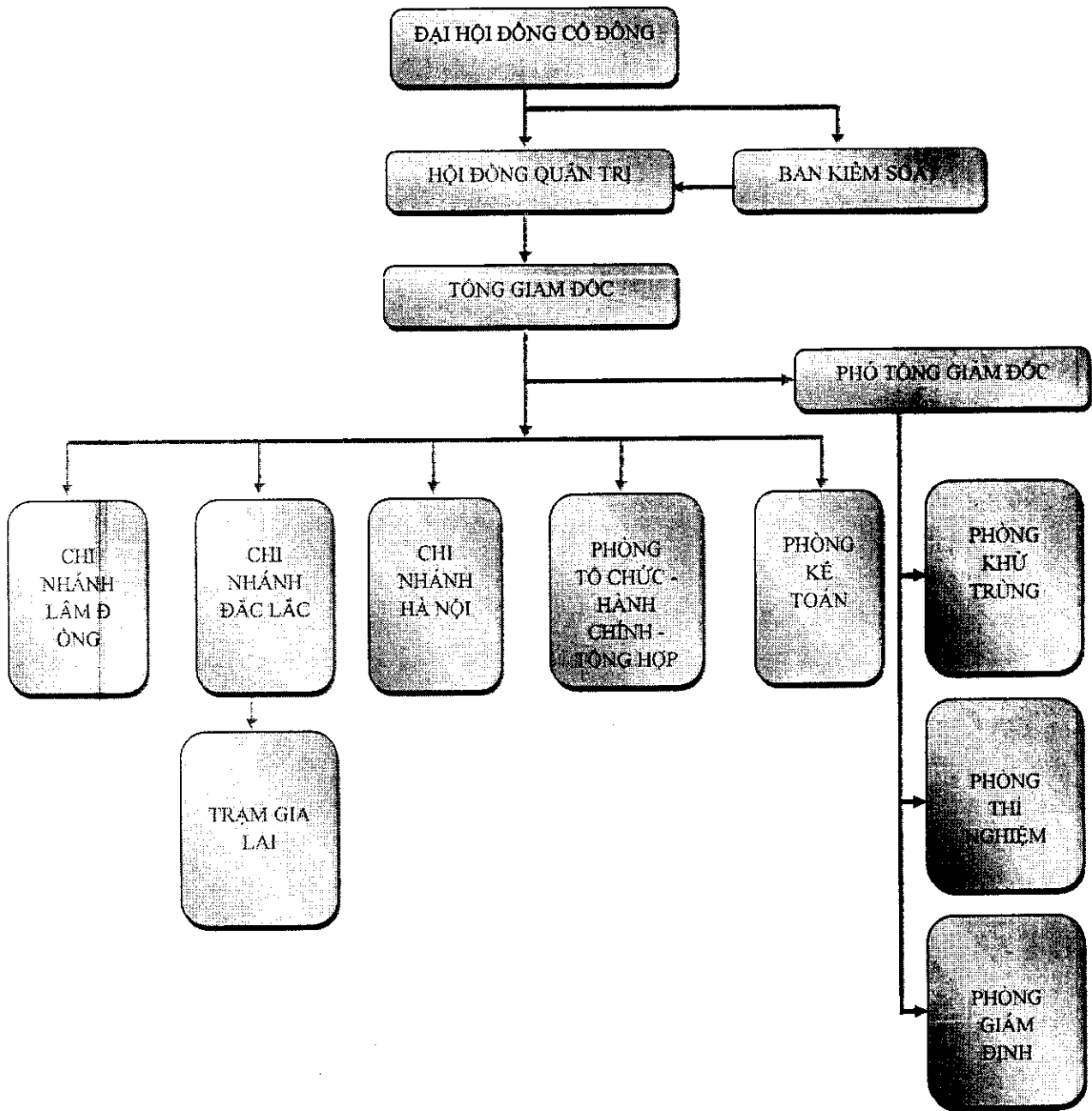
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Mô hình quản trị: Mô hình quản trị bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

- Cơ cấu bộ máy quản lý:



SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY



5. Định hướng phát triển: Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- Sản phẩm dịch vụ phải được cung ứng nhanh chóng, kịp thời theo yêu cầu của hoạt động kinh doanh của khách hàng.
- Kết quả chính xác, an toàn, không gây thiệt hại cho khách hàng.
- Sản phẩm dịch vụ phải tích tụ được giá trị gia tăng, kiến thức, kỹ năng cao so với mặt bằng thế giới. Để thỏa mãn 100% nhu cầu của khách hàng là điều không dễ dàng, đòi hỏi toàn thể công ty phải nỗ lực rất lớn, chi cần sơ suất nhỏ là có thể mất khách hàng.

6. Các rủi ro: Về khả năng thanh toán công nợ phải thu đối với một số khách hàng.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

Stt	Khoản mục	đvt	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ % KH/TH
1	Vốn điều lệ	đồng	17.000.000.000	17.000.000.000	100,0%
2	Doanh thu	đồng	40.000.000.000	63.895.035.801	159,74%
3	Lợi nhuận trước thuế	đồng	7.800.000.000	11.143.194.111	142,86%
4	Lợi nhuận sau thuế	đồng	5.850.000.000	8.373.035.833	143,13%
5	Thuế thu nhập DN	đồng	1.950.000.000	2.770.158.278	142,06%
6	Lãi cơ bản/cổ phiếu	%	34,41%	49,25%	143,13%

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Nam Hải	Tổng Giám đốc	Ngày 02 tháng 05 năm 2008
Ông Lê Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 02 tháng 05 năm 2008

Đến ngày 01/10/2012 có sự thay đổi Ban điều hành:

Ông Lê Anh Tuấn	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Hải	Phó Tổng Giám đốc

- Số lượng cán bộ, nhân viên: 205 người.

- Chính sách đối với người lao động: Đảm bảo các chế độ cho người lao động, tuân thủ các quy định của Nhà nước:

- Chủ động điều chỉnh chế độ phân phối tiền lương, tiền thưởng tương xứng với chức danh, khối lượng công việc cũng như kết quả làm việc của từng người để tiền lương, tiền thưởng thực sự trở thành công cụ kinh tế kích thích người lao động phấn đấu tăng năng suất lao động và có trách nhiệm với công việc. Đồng thời tạo môi trường làm việc thuận lợi và có cơ hội thăng tiến để người lao động gắn bó, cống hiến hết mình cho sự phát triển của Công ty
- Cải thiện thu nhập bình quân của người lao động trong Công ty, phấn đấu năm sau cao hơn năm trước theo sự phát triển của Công ty và phù hợp với mức sống hiện tại.
- Đảm bảo đủ việc làm cho người lao động, người lao động được hưởng lương và các chế độ BHXH, BHYT và các phụ cấp khác
- Quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động trong công ty được thực hiện theo hợp đồng lao động được ký kết giữa người lao động với Tổng Giám đốc Công ty, phù hợp với Bộ luật lao động nước Việt Nam, theo nội quy lao động và Thỏa ước lao động tập thể
- Công ty tổ chức cho CBCNV đi khám sức khoẻ định kỳ một năm một lần.

3. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	36.089.715.160	45.652.480.120	26,5
Doanh thu thuần	46.707.004.779	62.364.688.656	33,5
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	7.647.908.908	11.033.203.569	44,3

001054
CÔNG TY
PHÂN
LIÊN C
HÀNG
TÀI NHẬP
TP.HỒ

Lợi nhuận khác	1.500.000	109.990.542	
Lợi nhuận trước thuế	7.649.408.908	11.143.194.111	45,7
Lợi nhuận sau thuế	5.742.531.781	8.373.035.833	45,8
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.378	4.925	45,8

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	2,78	2,27	
+ Hệ số thanh toán nhanh: TSLĐ - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	2,70	2,24	
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,28	0,37	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,60	0,40	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán Hàng tồn kho bình quân	2,39	5,79	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,29	1,37	
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,12	0,13	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,20	0,29	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,16	0,18	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,21	0,18	

4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Cơ cấu cổ đông của Công ty

STT	Cơ cấu cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ %
I	Pháp Nhân	4	927.000	54,53
	Cá nhân	172	773.000	45,47
II	Nhà nước	1	867.000	51,00
	Cán bộ công nhân viên	118	388.404	22,85
	Cổ đông ngoài công ty	57	444.596	26,15
III	Cổ đông trong nước	176	1.700.000	100,00
	Cổ đông nước ngoài	0	0	0
	Tổng cộng	176	1.700.000	

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc:

1/ TÌNH HÌNH CHUNG:

- Công ty cổ phần Giám định cà phê và hàng hóa XNK (CAFECONTROL) được cổ phần hóa và chính thức hoạt động ngày 1/6/2008 với 51% vốn nhà nước.
- Tiếp nối thành quả từ những năm trước, sản phẩm dịch vụ của Cafecontrol vẫn được tiếp nhận tương đối tốt qua nhận thức và sự hài lòng của khách hàng.

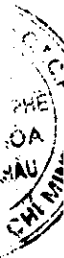
a/ Tình hình thị trường :

Các thị trường mục tiêu:

- Dịch vụ giám định cà phê nhân xuất khẩu.
- Dịch vụ giám định điều xuất khẩu.
- Dịch vụ khử trùng
- Dịch vụ chứng nhận sản phẩm.

Khách hàng:

- Hiện nay khách hàng của Cafecontrol là những công ty tham gia vào khâu xuất nhập khẩu nông sản, tuy nhiên từ năm 2008 đến nay là thời kỳ khủng hoảng kinh tế chung của thế giới, một số khách hàng lớn về XNK đã bị phá sản hoặc ngừng hoạt động.
- Về mặt địa lý, trải rộng ở các tỉnh và vùng có sản xuất nguyên liệu nông sản cho xuất khẩu.
- Đối với khách hàng là công ty, việc tiếp cận và phát triển dịch vụ là không dễ dàng (phải qua nhiều yếu tố, đối tượng khác nhau)



Điểm hành vi khách hàng:

- Sau những đợt khủng hoảng về thị trường và kinh doanh, hiện nay các công ty xuất nhập khẩu đang đi vào hiệu quả thiết thực, có “lời thì làm, không thì thôi” đang là thách thức đối với công ty.
- Tiếp nhận những sản phẩm cạnh tranh nhất.

b/ Nhu cầu thị trường - Mục tiêu của công ty:

- Sản phẩm dịch vụ phải được cung ứng nhanh chóng, kịp thời theo yêu cầu của hoạt động kinh doanh của khách hàng.
- Kết quả chính xác, an toàn, không gây thiệt hại cho khách hàng.
- Sản phẩm dịch vụ phải tích tụ được giá trị gia tăng, kiến thức, kỹ năng cao so với mặt bằng thế giới. Để thỏa mãn 100% nhu cầu của khách hàng là điều không dễ dàng, đòi hỏi toàn thể công ty phải nỗ lực rất lớn, chỉ cần sơ suất nhỏ là có thể mất khách hàng.

c/ Khuynh hướng thị trường :

- Mặc dù giá cả hiện nay đã tăng cao hơn nhiều so với những năm trước đây, nhưng thị trường kinh doanh nông sản là không an toàn, rủi ro cao, do vậy khách hàng sẵn sàng từ bỏ khu vực này. Tăng tính an toàn cho sản phẩm dịch vụ là vấn đề Cafecontrol phải đẩy mạnh để góp phần ổn định lực lượng khách hàng này. Đồng thời tình hình thị trường cho thấy đã bão hòa về thị phần giám định.
- Một số mặt hàng đang có thể phát triển giá trị gia tăng thông qua khâu chứng nhận, đây cũng là chiến lược chúng ta tiếp tục theo đuổi (đã hơn 5 năm).

d/ Sự tăng trưởng của thị trường:

- Các mặt hàng tiêu và điều của Việt Nam thời gian qua biến động ít về sản lượng sản xuất nhưng riêng mặt hàng điều phụ thuộc lớn vào khâu nhập khẩu nguyên liệu.
- Sản lượng cà phê tăng đột biến ở vụ 2011-2012 tăng gần 30% về lượng, lý do là diện tích cà phê trồng mới tăng mạnh qua các năm gần đây.
- Dịch vụ chứng nhận đang trong xu thế phát triển.

e/ Cạnh tranh:

- Hiện nay công ty vẫn phải đang gặp những cạnh tranh quyết liệt từ các công ty đối thủ về thị phần giám định.
- Trong phân khúc chứng nhận, các công ty nước ngoài đã tham gia thị trường đồng thời các công ty Việt Nam mới thành lập cũng đang tham gia thị trường.
- Sự tăng trưởng của các công ty lớn nước ngoài đang là thách thức lớn nhất cho hoạt động giám định.

2/ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH:

a/ Tình hình chung:

Từ năm 2008 đến nay doanh thu hàng năm đều có tăng trưởng, đặc biệt năm 2012 so với 2011 tăng 133%. Tổng doanh thu trên 63 tỉ, lợi nhuận sau thuế đạt 8,3 tỉ tăng 145%.

- Đối với dịch vụ giám định hàng nông sản:

Ngoài mặt hàng tiêu có doanh số thấp tăng trưởng không đáng kể, cả phê doanh số tăng 131%, nguyên nhân chính là sản lượng của Việt Nam tăng khoảng 30%. Điều tăng 106,1%, trong bối cảnh tình hình khách hàng là bất bình, không ổn định.

- Đối với khử trùng:

Năm 2012, do mở rộng được một số khách hàng làm gạo và lượng sản lát tăng, nên doanh số khử trùng tăng 146%.

Tuy nhiên thời gian qua cho thấy khách hàng là không ổn định và việc kinh doanh nông sản đang gặp nhiều khó khăn, một số mặt hàng là nguyên liệu cho chăn nuôi, nhưng ngành chăn nuôi đang gặp khó khăn, giảm sản xuất, đặc biệt đối với ngành nuôi trồng thủy sản.

- Dịch vụ chứng nhận sản phẩm:

Năm 2012 doanh số tăng 220% nguyên nhân là khách hàng đang có nhu cầu mở rộng và phát triển cả phê có chứng nhận. Tuy nhiên đối với dịch vụ này thì một hợp đồng kéo dài 3 năm nên nhu cầu đối với năm sau sẽ giảm đi, ngoại trừ khách hàng có nhu cầu mở rộng địa bàn sản xuất.

b/ Kết quả hoạt động:

c.1 Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2012

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

Stt	Khoản mục	đvt	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ % KH/TH
1	Vốn điều lệ	đồng	17.000.000.000	17.000.000.000	100,0%
2	Doanh thu	đồng	40.000.000.000	63.895.035.801	159,74%
3	Lợi nhuận trước thuế	đồng	7.800.000.000	11.143.194.111	142,86%
4	Lợi nhuận sau thuế	đồng	5.850.000.000	8.373.035.833	143,13%
5	Thuế thu nhập DN	đồng	1.950.000.000	2.770.158.278	142,06%
6	Lãi cơ bản/cổ phiếu	%	34,41%	49,25%	143,13%

- Một số phân tích hiệu quả:

Nội dung		Năm 2012	Năm 2011
1. Hiệu quả hoạt động			
ROA = (Lãi ròng/tổng tài sản)	%	18.34%	15.91%
ROE = (Lãi ròng/vốn chủ sở hữu)	%	29.15%	22.35%
EPS = lợi nhuận ròng/số lượng cp đang lưu hành	đồng	4,925	3,378
EBIT = lợi nhuận trước thuế và lãi vay	đồng	11,175,698,889	8,137,167,650
Tỷ lệ cổ tức = lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ		49.25%	33.78%
2. Tỷ số về khả năng thanh toán			
Khả năng th.toán hiện hành (ngắn hạn)=TS ngắn hạn/nợ ngắn hạn	lần	2.27	2.82

KNTT nhanh=Tiền và các khoản tương đương tiền/nợ ngắn hạn	lần	1.697	1.700
Khả năng thanh toán tổng quát	lần	2.70	3.47
3. Hiệu quả quản lý tài sản			
Vòng quay hàng tồn kho = giá vốn h.bán/ hàng tồn kho	lần	8.79	2.99
Vòng quay khoản phải thu = DT thuần/khoản phải thu cuối kỳ	lần	6.53	5.34
Vòng quy tổng tài sản cố định = doanh thu/tài sản	lần	1.37	1.29

- Tỷ số tăng trưởng:

Nội dung	2012/2011
Doanh thu hoạt động chính	133.52%
Lợi nhuận gộp từ hoạt động chính	132.92%
Lợi nhuận từ HĐKD	113.21%
Lợi nhuận trước thuế	145.67%
Lợi nhuận sau thuế	145.80%
Tăng trưởng EPS	145.79%
Tăng trưởng tổng tài sản	126.50%
Tăng trưởng vốn chủ sở hữu	111.80%

c/ Bài học kinh nghiệm trong công tác điều hành:

- Phát triển các khách hàng ở những sản phẩm truyền thống là rất khó khăn, do thị phần bão hòa
- Phát triển dịch vụ mới tiến triển chậm, phải đầu tư cho con người và thời gian khá lâu.
- Năng lực của nhân viên cũng như quản lý không đồng đều, dẫn đến có những khâu và bộ phận làm việc kém hiệu quả, gây thiệt hại cho công ty.
- Việc sa thải và thay thế nhân sự gặp nhiều khó khăn.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

- Trong nhiệm kỳ 2008-2012 mặc dù giai đoạn này là rất khó khăn đối với nền kinh tế, đặc biệt là các đơn vị kinh doanh hàng nông sản thua lỗ, phá sản rất nhiều, làm ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của công ty. Tuy nhiên toàn thể HĐQT, ban lãnh đạo và toàn thể CBNV quét tâm hoàn thành tốt nhiệm vụ đặt ra.
- Thành quả đạt được qua các năm thể hiện nỗ lực, năng động sáng tạo của công ty đã có những chính sách theo đuổi kịp thời thị trường.

2. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty:*

- Ban điều hành là những người tâm huyết, có năng lực đã điều hành tốt các hoạt động, nghiệp vụ của công ty, góp phần quan trọng đem lại thành quả chung.
- Ban điều hành luôn tuân thủ luật pháp, chính sách nhà nước, thực hiện tốt yêu cầu của nghị quyết ĐHCĐ.

3. *Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:*

- HĐQT sẽ là hạt nhân tập hợp mọi nguồn lực của công ty quyết tâm thực hiện tốt các nghị quyết của ĐHCĐ.
- Theo dõi sát tình hình thị trường để đưa ra những chiến lược thích hợp.
- Cùng với ban điều hành xây dựng kế hoạch kinh doanh 2013.

V. Quản trị công ty:

1. *Hội đồng quản trị*

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

a.1- Ông Nguyễn Nam Hải: – Chủ tịch HĐQT (đến 01/10/2012 Thành viên HĐQT)

Giới tính : Nam
Ngày tháng năm sinh : 30/11/1956
Nơi sinh : Nghệ An
Quốc tịch : Việt Nam
Số CMND : 021578181
Dân tộc : Kinh
Quê quán : Nghệ An
Địa chỉ thường trú : 3/32/2 Ung Văn Khiêm, P.25, Q.Bình Thạnh, TP. HCM
Điện thoại liên lạc : 0913808173
Trình độ văn hóa : 12/12
Trình độ chuyên môn : Kỹ sư nông nghiệp

Quá trình công tác

- 1979-1987 : Cán bộ nghiên cứu quản lý chính sách - Vụ cải tạo và phát triển sản xuất nông nghiệp Nam Bộ.
- 1987-1989 : Công tác tại phòng nghiệp vụ - Công ty XNK Cà phê.
- 1989-10/2012 : Nhân viên KCS - Trưởng phòng giám định - Trưởng phòng hành chính - Trưởng phòng khử trùng - Phó giám đốc - Giám đốc - Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc công ty cổ phần giám định cà phê và hàng hóa XNK.
- 10/2012-Nay : TV.HĐQT Công ty cổ phần giám định cà phê & hàng hóa XNK.
Tổng giám đốc Tổng công ty cà phê Việt Nam

Chức vụ công tác hiện nay : TV. HĐQT
Chức vụ ở các tổ chức khác : Tổng giám đốc Tổng công ty cà phê Việt Nam.
Số cổ phần nắm giữ : 112.286 cổ phần - 6.61%



a.2- Ông Lê Anh Tuấn – Thành viên HĐQT (đến 01/10/2012 Chủ tịch HĐQT)

Giới tính : Nam
Ngày tháng năm sinh : 16/03/1964
Nơi sinh : Đà Lạt
Quốc tịch : Việt Nam
Số CMND : 220052067 ; Ngày cấp : 05/05/99 ; Nơi cấp : CA Khánh Hòa
Dân tộc : Kinh
Quê quán : Hưng yên
Địa chỉ thường trú : 41 Đường 11 - Miếu Nổi - F. 7 - Q. Phú Nhuận - TP.HCM
Điện thoại liên lạc : 0913802629
Trình độ văn hóa : 12/12
Trình độ chuyên môn : Kỹ sư nông nghiệp
Quá trình công tác
• 1988 - 1990 : Nhân viên kiểm nghiệm của công ty Vinacafe Nha Trang
• 1990 - 10/2012 : Trạm trưởng trạm Cafecontrol tại Nha Trang - Giám đốc chi nhánh Daklak - Phó giám đốc - Phó Tổng giám đốc - Công ty cổ phần giám định cà phê và hàng hóa XNK.
• 10/2012 - 12/2012 : Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc - Công ty cổ phần giám định cà phê và hàng hóa XNK.
Chức vụ công tác hiện nay : Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc. Bí thư chi bộ
Chức vụ ở các tổ chức khác :
Số cổ phần nắm giữ : 56.838 cổ phiếu - 3,34%

a.3- Ông Nguyễn Văn Hải – Thành viên HĐQT

Giới tính : Nam
Ngày tháng năm sinh : 06/02/1962
Nơi sinh : Nghệ An
Quốc tịch : Việt Nam
Số CMND : 023878801 Ngày cấp : 19/04/01 Nơi cấp : CA TP. HCM
Dân tộc : Kinh
Quê quán : Quảng Trị
Địa chỉ thường trú : 38 Đường số 6 - KP 4 - Hiệp Bình Chánh - Thủ Đức - TP.HCM
Điện thoại liên lạc : 0913928136
Trình độ văn hóa : 12/12
Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế – Chuyên ngành Tài chính kế toán
Quá trình công tác
• 11/1987 - 12/1989 : Kế toán viên - Liên hiệp các xí nghiệp cà phê Việt Nam.
• 12/1989 - 10/2012 : Phụ trách kế toán tài vụ - Phó kế toán trưởng - Quyền kế toán trưởng - Kế toán trưởng - UV HĐQT
• 10/2012 - 12/2012 : TV.HĐQT, Phó Tổng giám đốc kiêm Kế toán trưởng .
Chức vụ công tác hiện nay : Phó Tổng giám đốc kiêm Kế toán trưởng
Phó Bí thư, Chủ tịch công đoàn.

Chức vụ ở các tổ chức khác :
Số cổ phần nắm giữ: : 30.094 cổ phiếu - 1,77%

b) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Trong năm 2012 có sự thay đổi nhân sự trong HĐQT, ông Nguyễn Nam Hải - Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc đã chuyển công tác, ông Lê Anh Tuấn nguyên Phó tổng Giám đốc lên thay, thời gian 1/10/2012.

- HĐQT đã tổ chức thành công các kỳ Đại hội cổ đông (ĐHCĐ) thường niên theo đúng luật Doanh nghiệp và điều lệ công ty. Trong quá trình hoạt động, các thành viên HĐQT được phân công nhiệm vụ rõ ràng theo Điều lệ tổ chức hoạt động của công ty.

- HĐQT đã hoạt động đúng quy định của pháp luật, thực hiện nghiêm túc nghị quyết ĐHCĐ. HĐQT đã tổ chức nhiều cuộc họp để định hướng kinh doanh, giải quyết những vấn đề phát sinh để mọi hoạt động kinh doanh được ổn định.

- Sự phối hợp giữa HĐQT và BKS là rất hiệu quả. Các thành viên BKS có trình độ chuyên môn và trách nhiệm cao, chủ động kiến nghị và giải quyết các vấn đề phát sinh liên quan đến quyền lợi công ty, cũng như trách nhiệm lãnh đạo công ty.

2. Ban Kiểm soát

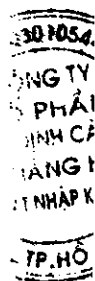
a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

a.1/ Ông Hoàng Xuân Các – Trưởng Ban kiểm soát

Giới tính : Nam
Ngày tháng năm sinh : 14/07/1974
Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài chính kế toán
Quá trình công tác : - 1997-2008 : Công tác tại CAFECONTROL
: - 2008-Nay : Công tác tại Cty cà phê An
Chức vụ công tác hiện nay :
Chức vụ ở các tổ chức khác : Công tác tại Cty cà phê An
Số cổ phần nắm giữ : 3.147 cổ phiếu - 0,19%

a.2/ Ông Trần Quốc Mỹ – Thành viên Ban kiểm soát

Giới tính : Nam
Ngày tháng năm sinh : 27/03/1975
Trình độ chuyên môn : Cử nhân Sinh học
Quá trình công tác : -1997-Nay : Công tác tại CAFECONTROL
Chức vụ công tác hiện nay : Tổ trưởng
Chức vụ ở các tổ chức khác :
Số cổ phần nắm giữ : 2.853 cổ phiếu - 0,17%



a.5 Bà Phan Thị Mỹ Hòa – Thành viên Ban kiểm soát

Giới tính : Nữ

Ngày tháng năm sinh : 21/04/1972

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác

: -1997-Nay : Công tác tại CAFECONTROL

Chức vụ công tác hiện nay : Phó phòng

Chức vụ ở các tổ chức khác :

Số cổ phần nắm giữ : 9.794 cổ phiếu - 0,58%

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm Ban kiểm soát tham gia đầy đủ các cuộc họp định kỳ, bất thường của Hội đồng quản trị và các cuộc họp quan trọng của Ban tổng giám đốc. Tham gia ý kiến về những vấn đề liên quan đến hoạt động của công ty.

Các thành viên Ban kiểm soát luôn thể hiện tinh thần độc lập và khách quan, luôn nỗ lực bám sát chức năng nhiệm vụ của Ban đã theo sát tình hình hoạt động của công ty nhằm phát hiện những rủi ro tiềm tàng, đề xuất các giải pháp khắc phục, góp phần đảm bảo cho hoạt động của công ty an toàn, hiệu quả và tuân thủ Luật pháp.

Ban kiểm soát đã có ý kiến đề xuất lựa chọn một số công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán và soát xét các báo cáo tài chính hàng năm của công ty và được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua.

Trong nhiệm kỳ vừa qua, với sự hỗ trợ tích cực và tạo điều kiện của Đại hội ĐCĐ, HĐQT, Ban điều hành Cafecontrol và cổ đông, Ban kiểm soát đã hoàn thành nhiệm vụ trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn theo quy định.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

Thù lao thực hiện theo đúng nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đã đề ra. Mức chi trả là:

- Hội đồng quản trị: 13 triệu đồng/ tháng (Chủ tịch HĐQT: 5 triệu đồng, thành viên HĐQT: 4 triệu đồng/người.)

- Ban kiểm soát: 7,5 triệu đồng/ tháng (Trưởng ban BKS: 3,5 triệu đồng, thành viên BKS: 2 triệu đồng/người.)

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán: Xét trên các khía cạnh trọng yếu thì Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty cổ phần giám định cà phê và hàng hóa xuất nhập khẩu đã:

- Phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài sản, công nợ và Nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty tại thời điểm 31/12/2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

- Phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo Tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán: Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán.
(Có thể tải về từ trang Website: www.ssc.gov.vn , Công bố thông tin)

Xác nhận của đại diện theo pháp luật của
Công ty



Lê Anh Tuấn

